

Bản án số:05/2020/DS-ST

Ngày:13/11/2020

(v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Công H, ông Hoàng Quốc T

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu L – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2020/TLST- DS ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST - DS, ngày 30 tháng 9 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Địa chỉ: Số 169, phố Li, phường H, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến H – Giám đốc Phòng dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G, tỉnh N. Địa chỉ: Phố Me, thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Anh T – Phó Giám đốc Phòng dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G, tỉnh N. Địa chỉ: Phố Me, thị trấn M, huyện G, tỉnh N. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến, xã G, huyện G, tỉnh N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đinh Thị H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Thôn Quyết Tiến, xã G, huyện G, tỉnh N.

Anh C và chị H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngày 23/12/2013, Phòng Giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện G đã cho anh Nguyễn Xuân C vay số tiền là 8.000.000 đồng theo Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường, lãi suất trong hạn là 0,80%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn thời hạn cho vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần; số tiền trả nợ mỗi kỳ là 800.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng lẽ ra phải tính là ngày 23/12/2018 nhưng đối với các

khoản nợ theo Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường trên địa bàn xã G thì phía Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G tiến hành thu nợ tiền gốc và lãi định kỳ vào ngày 14 hàng tháng nên hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay này được tính là ngày 14/01/2019; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14 hàng tháng. Số tiền vay đã được giải ngân ngay trong ngày 23/12/2013 cho anh C. Mục đích vay: Xây bể nước và hố xí.

Ngày 15/12/2014, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) huyện G, tỉnh N cho hộ gia đình anh Nguyễn Xuân C vay số tiền 50.000.000 đồng theo chương trình cho vay hộ Cận nghèo. Cụ thể: số tiền cho vay 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,72%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn cho vay là 36 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần; số tiền trả nợ mỗi kỳ là 12.500.000 đồng/lần; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 15/12/2017; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14 hàng tháng.

Tổng số tiền gốc Ngân hàng Chính sách xã hội cho anh Nguyễn Xuân C vay là 58.000.000 đồng. Cả hai lần vay không thể hiện bằng hợp đồng vay tài sản mà thể hiện thông qua “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay”, có chữ ký của người vay là anh Nguyễn Xuân C và có phê duyệt của Phòng giao dịch huyện G – Ngân hàng Chính sách xã hội. Từ ngày 14/9/2017 cho đến nay thì anh C không nộp lãi cho Phòng giao dịch theo quy định.

Thực hiện Quyết định số 493/QĐ-NHCSNB ngày 04/6/2018 của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh N về việc thành lập Tổ củng cố nâng cao chất lượng tín dụng tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện G. Tổ củng cố phối hợp với Phòng giao dịch tổ chức kiểm tra, đối chiếu, phân loại nợ trực tiếp đến 100% hộ vay còn dư nợ. Ngày 02/7/2018, đại diện NHCSXH, Hội đoàn thể nhận ủy thác đã kiểm tra đối chiếu trực tiếp tại hộ gia đình anh Nguyễn Xuân C phát hiện anh C sử dụng vốn vay sai mục đích của khoản vay theo chương trình cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường nên đã lập biên bản làm việc yêu cầu anh Nguyễn Xuân C phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh chậm nhất trong ngày 12/7/2018 (tại thời điểm lập biên bản làm việc anh Nguyễn Xuân C đang còn nợ gốc là 58.000.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/12/2014 đã quá hạn trả nợ từ ngày 14/01/2018, số tiền gốc 8.000.000 đồng của khoản vay ngày 23/12/2013 đang trong thời hạn trả nợ), nếu không sẽ chuyển toàn bộ số tiền gốc 8.000.000 đồng đang còn trong hạn sang nợ quá hạn.

Ngày 12/7/2018 anh Nguyễn Xuân C không thực hiện đúng biên bản làm việc đã ký, NHCSXH nơi cho vay đã tiến hành chuyển trạng thái nợ từ nợ trong hạn sang nợ quá hạn số tiền 8.000.000 đồng chương trình cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường theo quy định, từ ngày 12/7/2018.

Ngày 29/01/2019 anh Nguyễn Xuân C đã trả nợ một phần cho Phòng giao dịch số tiền trả nợ là 30.000.000 đồng tiền gốc chương trình vay hộ Cận nghèo (chỉ trả gốc không trả lãi).

Kể từ khi anh Nguyễn Xuân C không nộp lãi tH xuyên, Phòng giao dịch đã chỉ đạo cán bộ tín dụng theo dõi địa bàn phối hợp với UBND xã G, Tổ tiết kiệm và vay vốn thôn Quyết Tiến, hội Phụ nữ thôn Quyết Tiến nhận ủy thác thường xuyên đôn đốc anh C

thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo quy định, tuy nhiên hộ gia đình anh C vẫn không thực hiện trả nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và đã nhiều lần tổng đạt trực tiếp, niêm yết các loại văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Xuân C vẫn vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2020 anh Nguyễn Xuân C trình bày: Ngày 23/12/2013, Phòng Giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện G đã cho tôi vay số tiền là 8.000.000 đồng theo Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường, lãi suất trong hạn là 0,80%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn thời hạn cho vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần; số tiền trả nợ mỗi kỳ là 800.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng: 14/01/2019, lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14 hàng tháng. Số tiền vay đã được giải ngân ngay trong ngày 23/12/2013 cho tôi. Mục đích vay: Xây bể nước và hồ xí. Đến ngày 15/12/2014, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G, tỉnh N tiếp tục cho hộ gia đình tôi vay số tiền 50.000.000 đồng theo chương trình cho vay hộ Cận nghèo. Cụ thể: số tiền cho vay 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,72%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn cho vay là 36 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần; số tiền trả nợ mỗi kỳ là 12.500.000 đồng/lần; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 15/12/2017; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14 hàng tháng. Tôi thừa nhận có việc sử dụng số tiền vay sai mục đích như phía Ngân hàng đã lập biên bản. Tôi đã trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng như Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày là đúng. Tôi xác định hiện nay gia đình tôi đang nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G số tiền gốc của cả hai khoản vay là 28.000.000 đồng (Trong đó khoản vay ngày 23/12/2013 còn nợ 8.000.000 đồng, khoản vay ngày 15/12/2014 còn nợ 20.000.000 đồng) và lãi tạm tính đến ngày 18/02/2020 của cả hai khoản vay là 11.914.240 đồng như trong thông báo thụ lý vụ án Tòa án đã gửi là đúng. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G yêu cầu tôi phải trả số tiền gốc và lãi như trong thông báo thụ lý thì tôi nhất trí và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu anh C phải thanh toán cho Ngân hàng Chính sách Xã hội số tiền tính đến hết ngày 13/11/2020 là 42.305.608 đồng (Trong đó của khoản vay ngày 23/12/2013 là 10.974.699 đồng gồm tiền gốc còn lại: 8.000.000 đồng; Lãi quá hạn: 2.974.699 đồng; Của khoản vay ngày 15/12/2014 là 31.330.909 đồng gồm nợ gốc là 20.000.000 đồng; Lãi quá hạn là 11.330.909 đồng;), Buộc anh C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn như các bên đã thỏa thuận trong các “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay” được Ngân hàng Chính sách Xã hội phê duyệt ngày 23/12/2013 và ngày 15/12/2014, kể từ ngày 14/11/2020 cho đến khi anh C thanh toán xong số nợ gốc. Các yêu cầu khác nguyên đơn giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 288, các Điều 352, 357, 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688

Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã hội. Buộc anh Nguyễn Xuân C phải trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tổng số tiền nợ gốc và lãi đến hết ngày 13/11/2020 là 42.305.608 đồng (Trong đó của khoản vay ngày 23/12/2013 là 10.974.699 đ gồm tiền gốc còn lại: 8.000.000 đ; Lãi quá hạn: 2.974.699 đồng; Của khoản vay ngày 15/12/2014 là 31.330.909 đ gồm nợ gốc là 20.000.000 đồng; Lãi quá hạn là 11.330.909 đ); Buộc anh C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn như các bên đã thỏa thuận trong các “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay” được Ngân hàng Chính sách Xã hội phê duyệt ngày 23/12/2013 và ngày 15/12/2014, kể từ ngày 14/11/2020 cho đến khi anh Nguyễn Xuân C thanh toán xong số nợ gốc; Buộc anh Nguyễn Xuân C phải nộp 2.115.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Xuân C có địa chỉ: Thôn Quyết Tiến, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do đủ đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng luật định.

[2] Về nội dung: Căn cứ các tài liệu do nguyên đơn xuất trình, lời khai của bị đơn Tòa án xác định có sự kiện: Ngày 23/12/2013, Phòng Giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện G đã cho anh Nguyễn Xuân C vay số tiền là 8.000.000 đồng theo Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường, lãi suất trong hạn là 0,80%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn thời hạn cho vay là 60 tháng; kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần; số tiền trả nợ mỗi kỳ là 800.000 đồng/lần, hạn trả nợ cuối cùng: 14/01/2019 (hạn trả nợ cuối cùng hết kỳ hạn 60 tháng lẽ ra phải tính là ngày 23/12/2018 nhưng đối với các khoản nợ theo Chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường trên địa bàn xã G thì phía Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G tiến hành thu nợ tiền gốc và lãi định kỳ vào ngày 14 hàng tháng nên hạn trả nợ cuối cùng của khoản vay này được tính là ngày 14/01/2019 theo hướng có lợi cho anh Nguyễn Xuân C nên hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật), lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14 hàng tháng. Số tiền vay đã được giải ngân ngay trong ngày 23/12/2013 cho anh C. Mục đích vay: Xây bể nước và hố xí. Đến ngày 15/12/2014, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện G, tỉnh N cho hộ gia đình anh Nguyễn Xuân C vay số tiền 50.000.000 đồng theo chương trình cho vay hộ Cận nghèo. Cụ thể: số tiền cho vay 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,72%/tháng; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay; thời hạn cho vay là 36 tháng; kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần; số tiền trả nợ mỗi kỳ là 12.500.000 đồng/lần; hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 15/12/2017; lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 14 hàng tháng. Cả hai lần vay không thể hiện bằng hợp đồng vay tài sản mà thể hiện thông qua “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay”, có chữ ký của người vay là anh Nguyễn Xuân C và có phê duyệt của Phòng giao dịch huyện G – Ngân

hàng Chính sách xã hội.

Quá trình thực hiện hợp đồng bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết, hộ anh Nguyễn Xuân C chỉ trả nợ được một phần tiền gốc và tiền lãi theo như các “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay” ghi ngày 23/12/2013 và ngày 15/12/2014 đã cam kết. Tại thời điểm cho vay và cho đến hiện nay, hộ anh Nguyễn Xuân C có hai thành viên trên 18 tuổi là anh C và vợ là chị Đinh Thị H. Phía Ngân hàng Chính sách Xã hội hoàn toàn có quyền khởi kiện, yêu cầu anh Nguyễn Xuân C đứng ra trả toàn bộ các khoản nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 288 Bộ luật Dân sự.

Bản thân anh C vẫn đang sinh sống, làm việc bình thường tại thôn Quyết Tiến, xã G, huyện G, tỉnh N nhưng anh C cố tình không lên Tòa án làm việc nên không hòa giải được dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó chứng tỏ anh C chây ỳ, không chịu trả nợ tiền đã vay. Từ ngày 14/9/2017 cho đến nay thì anh C không nộp lãi cho Phòng giao dịch theo quy định. Anh C còn sử dụng vốn vay sai mục đích và không thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết trả nợ đúng hạn nên phía Ngân hàng chuyển sang tính lãi suất nợ quá hạn.

Cụ thể: Thực hiện Quyết định số 493/QĐ-NHCSNB ngày 04/6/2018 của Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh N về việc thành lập Tổ củng cố nâng cao chất lượng tín dụng tại Phòng giao dịch NHCSXH huyện G. Tổ củng cố phối hợp với Phòng giao dịch tổ chức kiểm tra, đối chiếu, phân loại nợ trực tiếp đến 100% hộ vay còn dư nợ. Đại diện NHCSXH, Hội đoàn thể nhận ủy thác đã tiến hành công tác kiểm tra đối chiếu trực tiếp tại gia đình anh Nguyễn Xuân C ngày 02/7/2018 xác định: Anh Nguyễn Xuân C sử dụng vốn vay sai mục đích của khoản vay ngày 23/12/2013 theo chương trình cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường. Đại diện NHCSXH, Hội đoàn thể nhận ủy thác đã lập biên bản làm việc yêu cầu anh Nguyễn Xuân C phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh chậm nhất trong ngày 12/7/2018 (tại thời điểm lập biên bản làm việc ngày 02/7/2018 thì anh Nguyễn Xuân C đang còn nợ gốc là 58.000.000 đồng, trong đó có số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng của khoản vay ngày 15/12/2014 đã quá hạn trả nợ từ ngày 14/01/2018, số tiền nợ gốc 8.000.000 đồng của khoản vay ngày 23/12/2013 đang trong thời hạn trả nợ), nếu không sẽ chuyển toàn bộ số tiền gốc 8.000.000 đồng đang còn trong hạn sang nợ quá hạn. Đến ngày 12/7/2018 anh Nguyễn Xuân C không thực hiện đúng biên bản làm việc đã ký nên NHCSXH nơi cho vay đã tiến hành chuyển trạng thái nợ từ nợ trong hạn sang nợ quá hạn đối với số tiền 8.000.000 đồng của khoản vay ngày 23/12/2013 theo chương trình cho vay Nước sạch vệ sinh môi trường theo quy định, từ ngày 12/7/2018 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Do đó Ngân hàng CSXH yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Xuân C phải trả cho Ngân hàng CSXH tổng số tiền nợ gốc và lãi đến hết ngày 13/11/2020 là 42.305.608 đồng (Trong đó của khoản vay ngày 23/12/2013 là 10.974.699 đồng gồm tiền gốc còn lại: 8.000.000 đồng; Lãi quá hạn: 2.974.699 đồng; Của khoản vay ngày 15/12/2014 là 31.330.909 đồng gồm nợ gốc là 20.000.000 đồng; Lãi quá hạn là 11.330.909 đồng); Buộc anh Nguyễn Xuân C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn như các bên đã thỏa thuận trong các “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay” được Ngân hàng Chính sách Xã hội phê duyệt ngày 23/12/2013 và ngày 15/12/2014, kể từ ngày 14/11/2020 cho đến khi anh C thanh toán xong số nợ gốc là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân C phải nộp án phí theo luật định

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 288, các Điều 357, 463, 466, 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã hội. Buộc anh Nguyễn Xuân C phải trả cho Ngân hàng Chính sách Xã hội tổng số tiền nợ gốc và lãi đến hết ngày 13/11/2020 là 42.305.608 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm không năm nghìn sáu trăm linh tám đồng). (Trong đó của khoản vay ngày 23/12/2013 là 10.974.699 đồng gồm tiền gốc còn lại: 8.000.000 đồng; Lãi quá hạn: 2.974.699 đồng; Của khoản vay ngày 15/12/2014 là 31.330.909 đồng gồm nợ gốc là 20.000.000 đồng; Lãi quá hạn là 11.330.909 đồng); Buộc anh C phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn như các bên đã thỏa thuận trong các “Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay” được Ngân hàng Chính sách Xã hội phê duyệt ngày 23/12/2013 và ngày 15/12/2014, kể từ ngày 14/11/2020 cho đến khi anh Nguyễn Xuân C thanh toán xong số nợ gốc.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Xuân C phải nộp 2.115.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh NB;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện GV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Q

